

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/DS-PT

Ngày 17-11-2021

V/v “*Tranh chấp*

*hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Quang;

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Ngọc Hà và ông Ngô Chậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021 về việc “*Đòi lại tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Thanh Th, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố Phước Lương, phường Hòa Xuân T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh L, sinh năm 1952 (chết), bà Trần Thị H1, sinh năm 1953; Địa chỉ: Khu phố Bàn Nham N, phường Hòa Xuân T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trịnh L (con ruột của ông L và bà H1): Anh Trịnh Ngọc L1, sinh năm 1977; Chị Trịnh Thị Kim L2, sinh năm 1984; Đồng địa chỉ: Khu phố Bàn Nham N, phường Hòa Xuân T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Đinh Thị Thanh Th.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:* Năm 1993, bà Th có cho ông L, bà H1 vay 36.000.000 đồng để mua máy tuốt lúa, cộ bò phục vụ sản xuất nông nghiệp. Khi vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng với lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, đến ngày 01/01/1996 thì bà Th viết giấy vay tiền đưa cho bà H1 ký điểm chỉ trước sự chứng kiến của bà Th. Trước khi viết giấy nợ thì bà H1 có trả lãi cho bà Th 1.000.000 đồng sau đó thì không trả gốc,

lãi. Khi viết giấy vay tiền, bà Th ghi tên bà H1 là Cụt, chồng bà H1 là Kinh Lân sau này mới biết là tên Hà và chồng là Trịnh L (trong sổ Mục kê ruộng đất ghi là Kinh L). Đến năm 2018, bà Th viết lại giấy đưa cho bà H1 ký xác nhận có vay số tiền 36.000.000 đồng và điểm chỉ nhưng vẫn ghi ngày 01/01/1996, đối với tờ giấy vay tiền viết năm 1996 bà Th không còn giữ, đã thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa. Giấy vay tiền viết năm 2018 nội dung thỏa thuận giống như giấy viết năm 1996 nhưng năm 2018 ông L đã chết nên không thể ký xác nhận nợ. Do đó, nay bà Th xin rút yêu cầu đối với ông L, chỉ yêu cầu Tòa buộc bà H1 phải trả số tiền vay gốc còn nợ 36.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay đến khi xét xử.

*Trong các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:* Năm 1996, bà H1 có vay của bà Th số tiền 200.000 đồng. Đến năm 2003, do không có tiền trả nên bà H1 thống nhất thỏa thuận miệng với bà Th cộng tiền lãi vào tiền gốc tổng cộng là 2.000.000 đồng. Từ đó đến năm 2017, bà Th không yêu cầu trả hay nói gì về số tiền còn nợ 2.000.000 đồng nên bà H1 cho rằng bà Th thấy bà H1 quá khó khăn nên xóa nợ không đòi nữa. Khoảng cuối năm 2018, bà Th đưa cho bà H1 một tờ giấy bảo bà H1 kí tên, điểm chỉ vô vì bà H1 không biết chữ. Sau này bà H1 mới biết là bà Th đưa giấy vay nợ bảo bà ký và điểm chỉ với số nợ là 36.000.000 đồng, trong đó ghi cả hai vợ chồng bà H1 cùng vay nợ. Bà H1 thừa nhận giấy vay tiền mà bà Th nộp cho Tòa có dấu vân tay của bà H1 nhưng lúc đó do bà Th cầm tay bà H1 điểm chỉ chứ bà H1 mù chữ và không biết bà Th ghi nội dung gì trong giấy. Ngoài ra thời điểm bà Th đưa bà H1 điểm chỉ trên giấy vay thì ông L (chồng bà H1) đã chết, nên chữ ký trên giấy này không phải của chồng bà H1. Do đó, bà H1 thừa nhận chỉ còn nợ bà Th 2.000.000 đồng gốc. Năm 2019, sau khi Tòa mời làm việc, bà H1 đã trả bà Th 2.000.000 đồng. Nay bà Th khởi kiện bà H1 đề nghị Tòa áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với khoản vay này và xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, khấu trừ số tiền bà H1 đã trả cho bà Th.

*Anh L1, chị L2 người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L thống nhất trình bày:* Việc vay mượn giữa bà H1 với bà Th, anh L1, chị L2 không hay biết, nay bà Th khởi kiện bà H1, anh L1, chị L2 thống nhất theo ý kiến trình bày của bà H1 và không có ý kiến hay yêu cầu gì, mong Tòa xem xét theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 164, 166, 274, 275, 280; Điều 429; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh Th.

Buộc bà Trần Thị H1 phải trả cho bà Đinh Thị Thanh Th 34.000.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*) tiền gốc.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Thanh Th về việc buộc bà H1 phải trả số tiền lãi theo quy định pháp luật là 91.440.000 đồng (*Chín mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Đinh Thị Thanh Th đối với ông Trịnh L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quy định về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/6/2021 nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh Th kháng cáo về khoản tiền lãi.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 (BL19), nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh Th yêu cầu bà Trần Thị H1 phải trả số tiền vay 36.000.000 đồng và số tiền lãi 24.000.000 đồng. “Giấy vay tiền” ngày 01/01/1996 (BL22) có nội dung: “Số tiền vay 36.000.000đ. Hẹn tháng 1/6/1997; hứa 2 triệu gốc lãi trả 500.000đồng/1tháng. Nếu không trả cho bà Đinh Thị Thanh Th được khi nào có tôi trả gốc và lãi”. Theo nội dung giấy vay tiền nêu trên thì không xác định thời gian trả, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản” là không đúng, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh Th – yêu cầu buộc bà Trần Thị H1 phải trả tiền lãi:

Căn cứ vào “Giấy vay tiền” bà H1 thừa nhận có ký xác nhận và điểm chỉ vào với số tiền vay 36.000.000 đồng và tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 16/7/2019 (BL 26, 29, 30) bà H1 thừa nhận còn nợ bà Th 36.000.000 đồng gồm gốc, lãi và xin trả dần nhưng bà Th không chấp nhận. Như vậy việc bà H1 nợ bà Th 36.000.000 đồng, đã trả 2.000.000 đồng (Bà Th thừa nhận) là có thật, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Th buộc bà H1 trả nợ gốc 34.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không đúng, đã bác khoản tiền lãi là có thiếu sót.

Về yêu cầu tính lãi: Theo nội dung giấy vay nợ, thì phải tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự từ ngày 01/01/1996 đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi sẽ cao hơn số tiền 24.000.000 đồng. Nhưng tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Th chỉ yêu cầu 24.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn vì là người cao tuổi (68 tuổi) theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh Th, sửa một phần bản án sơ thẩm về khoản tiền lãi.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh Th.
  - Buộc bà Trần Thị H1 phải trả cho bà Đinh Thị Thanh Th số tiền 58.000.000 (Năm mươi tám triệu) đồng, trong đó tiền gốc 34.000.000 đồng, tiền lãi 24.000.000 đồng.
  - Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Đinh Thị Thanh Th đối với ông Trịnh L.
- Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.
- Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn không ai phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND huyện Tuy An;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- P.TTNV&THA;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Quang**